

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2021

V/v “Ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín,

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thái Thị Đang,

Ông Phạm Hùng Cường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện D - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 381/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim N - Sinh năm: 1977, “có mặt”,

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Đ, xã B, huyện D, Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Phan T - Sinh năm: 1976, “vắng mặt”,

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 03/9/2020, biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2020, nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày: Bà và ông Phan T chung sống với nhau vào năm 2000, nhưng từ đó đến nay không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung

sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, hai bên không thể khắc phục được mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2019 đến nay. Bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà N và ông T có 02 con chung là Phan Thị Thu H (*sinh ngày 10/02/2001*) và Phan A H (*sinh ngày 18/12/2002*). Các con chung đều trưởng thành, khỏe mạnh nên bà không yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung với ông T.

Tại bản tự khai ngày 27/10/2020, bị đơn ông Phan T trình bày: Ông và bà N chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn, hai bên có mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2019 đến nay. Nhưng ông muốn hàn gắn tình cảm gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T xác định có (02) hai con chung như bà N đã trình bày, các con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh, không yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như đã trình bày trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị Kim N với ông Phan T là quan hệ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Phan T vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim N và ông Phan T chung sống với nhau từ năm 2000 như vợ chồng nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân chưa được xác lập nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị Kim N và ông Phan T là quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Hai con chung đều đã trưởng thành và khỏe mạnh, bà Lê Thị Kim N và ông Phan T không ai yêu cầu về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông T đều xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Kim N phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (quy định về án phí và lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị Kim N và ông Phan T là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim N nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001844, ngày 16/10/2020. Do đó, bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã S; các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Tín

